

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST

Ngày 22/12/2023

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ LANG, TỈNH CAO BẰNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Sầm Đức Hiệp

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Nông Thị Điềm
- Ông Nông Thanh Lù

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Linh Thị Hiến – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện HL, tỉnh Cao Bằng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng:** Bà Lương Thị Dim - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 14/2023/TLST-HNGĐ ngày 07/4/2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1055/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trịnh Tạ Ph, sinh năm 1981. (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn TN, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng.

2. *Bị đơn:* Chị Nông Thị T, sinh năm 1986. (Có mặt).

Địa chỉ: Xóm BD, xã LQ, huyện HL, tỉnh Cao Bằng.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Hà Thị B - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng. (Có mặt).

3. *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh tỉnh CB. (Vắng mặt có lý do).

- Bà Triệu Thị S, sinh năm 1959; trú tại: Xã LQ, huyện HL, tỉnh Cao Bằng. (Vắng mặt có lý do).

- Ông Trịnh Ngọc T, sinh năm 1956 (Có mặt);

- Bà Trịnh Thị L, sinh năm 1954 (vắng mặt);

Cùng trú tại: Tổ 6, thị trấn TN, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng.

- Chị Trịnh Thị X, sinh năm 1978 (*Vắng mặt có lý do*);

- Anh Trịnh Ngọc H, sinh năm 1991 (*Vắng mặt*);

- Anh Trịnh Tạ C, sinh năm 1982 (*Vắng mặt có lý do*);

Cùng trú tại: NR, xã LT; huyện HQ, tỉnh Cao Bằng.

- Anh Trịnh Văn S (*Có mặt*);

- Anh Trịnh Văn T1, sinh năm 1980 (*Có mặt*);

- Anh Trịnh Văn K, sinh năm 1994 (*Vắng mặt có lý do*);

- Anh Trịnh Văn Ch, sinh năm 1976 (*Có mặt*);

Cùng trú tại: PN, xã ĐT, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng.

- Anh Trịnh Văn Q (tên gọi khác: Trịnh Đình Sơn); trú tại: CL, xã YS, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng (*Vắng mặt có lý do*);

- Anh Hoàng Văn V, sinh năm 1979 (*Vắng mặt có lý do*);

- Anh Đặng Văn Ch1, sinh năm 1990 (*Vắng mặt có lý do*);

Cùng trú tại: TP, xã TL, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng.

- Anh Triệu Tồn T2, sinh năm 1990; trú tại: PK, xã YS, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng (*Vắng mặt có lý do*);

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 17/3/2023, tại bản tự khai và trong quá trình tố tụng Tòa án, nguyên đơn Trịnh Tạ Ph trình bày:*

Anh Trịnh Tạ Ph và chị Nông Thị T có được tìm hiểu nhau và tổ chức cưới theo tập quán vào năm 2009, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện TN nay là huyện HQ, tỉnh Cao Bằng vào ngày 16/7/2009. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sinh sống ở bên nhà anh Ph tại xóm ĐK cũ, nay là Tổ 3, thị trấn TN, huyện HQ. Trong quá trình sống chung có hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ đầu năm 2022, khi vợ xin chuyển công tác sang HL, vợ chồng luôn cãi vã, không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống, chị T thường nghi ngờ anh Ph có người phụ nữ khác, mỗi người sống một nơi nhưng chưa từng xô xát hay đánh đập nhau. Đến ngày 01/04/2022, chị T tự ý xin chuyển công tác sang huyện HL, bỏ về nhà bố mẹ đẻ, không được sự đồng ý của anh Ph, hai vợ chồng đã sống ly thân kể từ thời điểm đó cho đến nay. Anh xác định vợ chồng đã có mâu thuẫn trầm trọng từ nhiều năm liền. Nay anh Ph xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung, có 02 con chung, con lớn tên Trịnh Nhật L1, sinh ngày 07/8/2009, hiện đang ở với anh Ph và học tại Trường Trung học cơ sở Dân tộc nội trú TN, huyện HQ; con nhỏ tên Trịnh Nhật L2, sinh ngày 09/6/2016, đang ở với mẹ và đang học tại trường Tiểu học LQ, huyện HL. Nếu ly hôn anh Ph sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nhật L1; chị T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nhật L2; không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với hai bên.

Về tài sản chung: Có 01 ngôi nhà 02 tầng, gắn liền với 01 thửa đất số 69, tờ bản đồ số 17, có diện tích là 200m<sup>2</sup>, trong đó có 80m<sup>2</sup> là đất ở, giá trị khoảng 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng), địa chỉ nhà, đất tại: Tổ 6, thị trấn TN, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng; 01 xe ô tô 07 chỗ nhãn hiệu KIA màu bạc, Biển kiểm soát (BKS) 11A-012xx mua với giá 195.000.000đ (một trăm chín mươi lăm triệu đồng); 02 chiếc xe máy, gồm 01 chiếc xe máy nhãn hiệu GRAVITA YAMAHA, BKS 11T-09xx, mua đầu năm 2011 với giá 25.500.000đ, hiện anh Ph đang sử dụng và 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda ABLADE, BKS 11T1-15xx mua vào năm 2013 với giá 40.000.000đ, hiện chị T đang sử dụng.

Về nợ chung có nợ những người sau đây: Nợ bà Triệu Thị S (mẹ vợ) tổng số tiền là 210.000.000đ (hai trăm mười triệu đồng); chị Trịnh Thị X số tiền 171.000.000đ; anh Trịnh Văn Ch số tiền 20.000.000đ; anh Trịnh Văn T1 số tiền 20.000.000đ; anh Trịnh Văn K số tiền 70.000.000đ; anh Trịnh Tạ C số tiền 100.000.000đ; anh Trịnh Đình S (Trịnh Văn Q) số tiền 100.000.000đ; anh Trịnh Tồn T2 số tiền 100.000.000đ; anh Đặng Văn Ch1 số tiền 60.000.000đ; anh Hoàng Văn V số tiền 50.000.000đ; anh Nông Đình Qu số tiền 20.000.000đ (là số tiền mua xe ô tô đang nợ anh Qu); anh Trịnh Ngọc H số tiền 160.000.000đ và anh Trịnh Văn S số tiền 50.000.000đ. Những lần vay nợ chỉ nói bằng miệng, không lập văn bản, mục đích anh Ph vay để làm nhà, mua xe ô tô. Trường hợp ly hôn thì tài sản chung và các khoản nợ chung vợ chồng đều chia đôi, mỗi người ½ số tài sản và mỗi người có trách nhiệm trả ½ số nợ chung.

*Bị đơn chị Nông Thị T, tại các bản tự khai, đơn khởi kiện phản tố và trong trong quá trình tố tụng tại Tòa án trình bày:*

Về thời gian, điều kiện kết hôn, các con chung, vấn đề tài sản chung theo anh Ph trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng, chị T cho rằng, hai vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng, lý do từ ngày 01/4/2022, chị T chuyển công tác sang huyện HL vì hoàn cảnh gia đình bố mẹ đẻ của chị già yếu, chị có một anh trai ốm đau, bệnh tật không thể tự nuôi sống bản thân và có một em trai cũng gặp tai nạn hiện không được tỉnh táo, mình vẫn đang hưởng trợ cấp xã hội, do hoàn cảnh như vậy nên chị T xin sang bên huyện HL gần nhà để tiện chăm sóc gia đình chị T, trước đó chị T đã bàn bạc với anh Ph về việc xin chuyển công tác và anh Ph cũng đã nhất trí. Chị T vẫn tha thiết mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy, giáo dục con chung, không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh Ph. Về nợ chung: Hai vợ chồng có nợ bà Nông Thị S (mẹ đẻ chị T) số tiền 398.000.000đ (ba trăm chín mươi tám triệu đồng); nợ Ngân hàng BIDV số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) chị T đã trả nợ hết; ngoài ra, chị T không thừa nhận các khoản nợ mà anh Ph cho rằng là nợ chung vì việc anh Ph vay mượn tiền với các anh em họ hàng chị T không được biết.

Ngày 08/11/2023, TAND huyện Hạ Lang uỷ thác thu thập chứng cứ tại nơi cư trú của các đương sự để xác minh về tình trạng mâu thuẫn quan hệ vợ chồng giữa anh Ph với chị T. Sau khi có kết quả thu thập chứng cứ, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng để cho ly hôn nên không cần thiết phải T hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; mặt khác quá trình tham gia tố tụng

anh Trịnh Tạ Ph không cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin, hình ảnh về các tài sản cần định giá theo yêu cầu của Tòa án, do đó Tòa án xét xử căn cứ các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày: Anh Ph cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn do chị T tự ý chuyển công tác sang HL, chị T hay nghi ngờ và ghen tuông anh có người phụ nữ khác nhưng thực tế là không có, vợ chồng hay cãi nhau về những chuyện nhỏ nhưng không có đánh đập; ngoài ra không có lý do gì khác. Nay vẫn giữ yêu cầu khởi kiện ly hôn với chị T.

Bị đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn thống nhất trình bày: Vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, chỉ vì lý do chị chuyển công tác sang HL, nhưng thực tế chị có bàn bạc với chồng và anh Ph cũng đồng ý nên lúc đầu vẫn sang HL thăm vợ con, không phải lúc nào chị T cũng nghi ngờ, ghen tuông chồng mà thời gian gần đây chị T mới nghe mọi người cùng xóm tung tin đồn anh có người phụ nữ khác. Chị T vẫn có mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung, do không có căn cứ thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn, cho vợ chồng đoàn tụ, các vấn đề khác không xem xét.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Ngọc T (bố đẻ anh Ph) trình bày: Về vợ chồng có mâu thuẫn hay không ông không rõ, tuy nhiên ông vẫn có mong muốn hai vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trịnh Văn S, Trịnh Văn T1, Trịnh Văn Ch trình bày về số tiền nợ của anh Ph đã vay mượn để làm nhà, việc vay mượn chỉ nói miệng, không lập văn bản, anh Ph là người trực tiếp mượn tiền. Nay đều mong muốn hai vợ chồng không ly hôn để cùng nhau trả nợ, về số tiền anh Ph nợ chưa có yêu cầu gì, sau này có yêu cầu sẽ làm đơn khởi kiện bằng vụ án khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký và Hội thẩm nhân dân đều tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Không chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh Trịnh Tạ Ph. Do yêu cầu ly hôn không được chấp nhận nên các vấn đề về con chung, tài sản chung và nợ chung không xem xét. Về án phí: Anh Trịnh Tạ Ph phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình để sung công quỹ Nhà nước; chị T được trả lại số tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:*

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Trịnh Tạ Ph yêu cầu được ly hôn với chị Nông Thị T. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại: Xóm Bang Dưới, xã LQ, huyện HL, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HL, tỉnh Cao Bằng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tuy nhiên một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thể tham gia phiên tòa được và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn T hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về quan hệ hôn nhân và xét yêu cầu ly hôn của anh Trịnh Tạ Ph:

Anh Trịnh Tạ Ph và chị Nông Thị T kết hôn có tình cảm, tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 16/7/2009 tại UBND xã LT, huyện TN cũ, nay là huyện HQ, tỉnh Cao Bằng, do đó hôn nhân hợp pháp từ ngày có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sinh sống ở bên nhà anh Ph tại thị trấn TN, huyện HQ. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Anh Ph cho rằng, mâu thuẫn xảy ra thường xuyên, luôn cãi vã, đình đềm là từ ngày 01/04/2022, khi vợ xin chuyển công tác sang HL mà không bàn bạc với anh, vợ chồng không cùng quan điểm sống, chị T thường nghi ngờ anh Ph có người phụ nữ khác, mỗi người sống một nơi nhưng chưa từng xảy ra xô xát hay đánh đập nhau, hai vợ chồng ly thân từ khi chị T chuyển công tác sang HL đến nay. Tuy nhiên, qua xác minh thông tin tại nơi cư trú của anh Ph, chị T đang sinh sống, kết quả giữa vợ chồng anh Ph, chị T không có mâu thuẫn trầm trọng; thời gian đầu chị T chuyển công tác sang HL thì anh Ph vẫn thường xuyên sang HL thăm vợ con, chị T ngày nghỉ cũng sang bên TN để thăm chồng và con, như vậy, anh Ph cho rằng, chị T không bàn bạc với anh là không có căn cứ, vì khi chị T chuyển công tác, anh Ph vẫn đi lại, quan tâm, chăm sóc vợ và con gái, cho thấy anh Ph đã đồng ý việc chị T chuyển công tác. Lý do chị T chuyển công tác sang HL vì hoàn cảnh gia đình, bố mẹ già yếu, các anh, em trai ruột bị bệnh tật, không được tính tảo nên rất cần sự chăm sóc của chị T là đúng sự thật, bản thân chị T công tác trong nghề y nên việc chăm lo cho bố mẹ và các em cũng thể hiện đạo hiếu của một người con, người chị gái. Khoảng thời gian từ khi kết hôn đến nay (2009 – 2023), hai vợ chồng đã chung sống với nhau được gần 14 năm, đã có hai người con chung điều đó thể hiện quá trình sống chung vợ chồng có hạnh phúc, vợ chồng không có đánh đập, chỉ là mâu thuẫn cãi vã nhỏ nhặt thường ngày. Thời gian ly thân ngắn, kể từ khi anh Ph làm đơn ly hôn thì hai vợ chồng mới không qua lại thăm nhau. Mặt khác, về con chung, con nhỏ mới 7 tuổi, con gái lớn đang học lớp 9 là năm cuối cấp nên để tạo sự ổn định tâm lý cho các cháu rất cần sự chăm sóc, giáo dục trực tiếp của cả bố và mẹ. Quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, phía nguyên đơn là anh Ph không cung cấp được chứng cứ chứng minh chị T vi phạm nghiêm trọng

quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những căn cứ trên, xét thấy lý do mà anh Trịnh Tạ Ph đưa ra để cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và xin ly hôn chị T là chưa có tính thuyết phục. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn luôn có mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Do đó, để tạo điều kiện cho anh Ph, chị T có thời gian suy nghĩ và hàn gắn lại tình cảm, cùng nhau chăm sóc con cái xây dựng gia đình hạnh phúc, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh Trịnh Tạ Ph về việc xin ly hôn với chị Nông Thị T.

[4]. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Ph nên các vấn đề về con chung, tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét. Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về các khoản nợ đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, quá trình tham gia tố tụng, Tòa án đã hướng dẫn nhưng các đương sự không có đơn yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét; tuy nhiên những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đó vẫn có quyền khởi kiện bằng vụ án khác để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[6]. Về án phí: Anh Trịnh Tạ Ph phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật. Chị Nông Thị T được trả lại số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HL, tỉnh Cao Bằng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **T xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Tạ Ph về việc ly hôn chị Nông Thị T.

2. Về án phí:

- Anh Trịnh Tạ Ph phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Xác nhận anh Ph đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002302 ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HL, tỉnh Cao Bằng.

- Chị Nông Thị T được trả lại số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0002404 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HL, tỉnh Cao Bằng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan tại Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo phần liên quan tại Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện HL;
- CCTHADS huyện HL;
- UBND xã LT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký và đóng dấu)*

**Sầm Đức Hiệp**